

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí
trong tổng mức đầu tư dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến
đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi một số điều Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009, số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015, số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019, số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3132/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 2422/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng; số 1726/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 về điều chỉnh thời gian thực hiện dự án; số 2458/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn thực hiện dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4162/TTr-SGTVT ngày 29/8/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh; kèm theo hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định số 4161/SGTVT-TĐKHKT ngày 29/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

1. Khái quát về tình hình thực hiện dự án

Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3132/QĐ-UBND ngày 06/9/2013, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 với tổng mức đầu tư là 914.029.000 nghìn đồng; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB : 154.819.429 nghìn đồng.
- Chi phí xây lắp : 688.032.786 nghìn đồng.
- Chi phí quản lý dự án : 6.698.937 nghìn đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 23.818.655 nghìn đồng.
- Chi phí khác : 10.886.623 nghìn đồng.
- Chi phí dự phòng : 29.772.570 nghìn đồng.

Dự án được phân kỳ đầu tư 02 giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn 1: Đầu tư phần tuyến chính với quy mô $B_n=21m$ với giá trị xây lắp theo tổng mức đầu tư được phê duyệt là 219.388.676 nghìn đồng.

- Giai đoạn 2: Giá trị xây lắp giai đoạn 2 theo tổng mức đầu tư được phê duyệt là 468.644.110 nghìn đồng; gồm 02 phần:

+ Phần thi công tuyến chính với quy mô $B_n=54m$: Thi công đến điểm dừng kỹ thuật theo Công văn số 10701/UBND-CN ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm cả hạng mục điện chiếu sáng trên tuyến chính), giá trị được phê duyệt là 124.543.758 nghìn đồng.

+ Phần thi công 03 tuyến bổ sung (tuyến số 4, 15, 17) và hạng mục điện chiếu sáng trên tuyến số 4, giá trị được phê duyệt là 344.100.352 nghìn đồng.

Đến nay, giai đoạn 1 (phần tuyến chính với quy mô $B_n=21m$) và hạng mục điện chiếu sáng trên tuyến chính thuộc giai đoạn 2 đã hoàn thành đưa vào khai thác từ tháng 10/2017; giai đoạn 2 phần tuyến chính với quy mô $B_n=54m$ đã dừng thi công đến điểm dừng kỹ thuật, phần thi công 03 tuyến bổ sung (tuyến số 4, 15, 17) đã thi công được khoảng 92,2/321 tỷ đồng (đạt 28,7%).

2. Lý do điều chỉnh

Để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo ổn định, chất lượng công trình, trong quá trình triển khai giai đoạn 1 đã điều chỉnh giải pháp thiết kế một số hạng mục công trình. Mặt khác, chi phí giải phóng mặt bằng dự kiến trong tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 là 154.819.429 nghìn đồng; theo báo cáo của UBND huyện Thọ Xuân (được giao làm chủ đầu tư tại Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 23/9/2012) tại Công văn số 2122/UBND-QLDA ngày 20/8/2021, chi phí giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khoảng 180.978.486 nghìn đồng, tăng 26.159.057 nghìn đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng “việc điều chỉnh dự toán không vượt dự toán đã phê duyệt nhưng làm thay đổi cơ cấu các khoản mục chi phí

trong tổng mức đầu tư xây dựng thì chủ đầu tư tự tổ chức điều chỉnh, phê duyệt”; song dự án được giao cho 02 chủ đầu tư (Sở Giao thông vận tải và UBND huyện Thọ Xuân), nên để có cơ sở cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện, việc Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh lại cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư điều chỉnh phê duyệt: 914.029.000 nghìn đồng (Chín trăm mười bốn tỷ, không trăm hai mươi chín triệu đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB : 180.978.486 nghìn đồng.
- Chi phí xây lắp : 677.065.676 nghìn đồng.
- Chi phí quản lý dự án : 6.592.158 nghìn đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 21.077.818 nghìn đồng.
- Chi phí khác : 9.105.733 nghìn đồng.
- Chi phí dự phòng : 19.209.129 nghìn đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định: số 3132/QĐ-UBND ngày 06/9/2013, số 2422/QĐ-UBND ngày 06/7/2016, số 1726/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Trên cơ sở giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt, giao Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Thọ Xuân, Ban Quản lý dự án Đầu tư XDCT Giao thông số 2 Thanh Hóa tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Giám đốc Ban QLDA Đầu tư XDCT Giao thông số 2 Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'43.981, 43.982).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ QUỐC LỘ 47 ĐẾN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 06/7/2016	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
I	Chi phí bồi thường, GPMB	154.819.429.000	180.978.486.000	26.159.057.000
1	GPMB giai đoạn 1 và giai đoạn 2	91.796.337.000	91.796.337.000	-
2	GPMB 03 tuyến bổ sung	63.023.092.000	89.182.149.000	26.159.057.000
II	Chi phí xây dựng	688.032.786.000	677.065.676.000	-10.967.110.000
1	Chi phí xây dựng giai đoạn 1 (B _n =21m đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng)	219.388.676.000	215.760.783.000	-3.627.893.000
2	Chi phí xây dựng giai đoạn 2	468.644.110.000	461.304.893.000	-7.339.217.000
2.1	Chi phí xây dựng giai đoạn 2 (B _n =54m đã dừng thi công đến điểm dừng kỹ thuật)	104.090.000.000	98.725.821.000	-5.364.179.000
2.2	Chi phí xây dựng tuyến số 4, số 15, số 17	321.202.213.000	321.025.669.000	-176.544.000
2.3	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến chính (đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng)	20.453.758.000	20.410.000.000	-43.758.000
2.4	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến số 4 (gồm cả chi phí hạng mục chung)	22.898.139.000	21.143.403.000	-1.754.736.000
III	Chi phí quản lý dự án	6.698.937.000	6.592.158.000	-106.779.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	23.818.655.000	21.077.818.000	-2.740.837.000

1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	1.514.000.000	1.478.002.000	-35.998.000
2	Chi phí lập dự án đầu tư điều chỉnh	495.000.000	495.000.000	-
3	Chi phí tư vấn khảo sát; lập thiết kế BVTC, dự toán; lập hồ sơ cấm cọc GPMB giai đoạn 1	2.891.463.000	2.821.789.000	-69.674.000
4	Chi phí tư vấn khảo sát; lập thiết kế BVTC, dự toán; lập hồ sơ cấm cọc GPMB giai đoạn 2 (bao gồm cả 03 tuyến số 4, 15, 17 bổ sung)	9.057.348.000	8.285.916.000	-771.432.000
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (phần tuyến chính) do Sở Giao thông vận tải tự thực hiện)	765.929.000	451.151.000	-314.778.000
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu xây lắp thuộc dự án	423.155.000	277.359.000	-145.796.000
7	Chi phí cấm cọc GPMB giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (phần tuyến chính của dự án)	371.489.000	371.489.000	-
8	Chi phí cấm cọc GPMB 03 tuyến bổ sung	450.000.000	216.029.000	-233.971.000
9	Thẩm tra ATGT giai đoạn trước khi bàn giao	100.000.000	100.000.000	-
10	Tư vấn đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	245.813.000	245.813.000	-
10	Giám sát đánh giá dự án	1.339.787.000	-	-1.339.787.000
11	Chi phí giám sát hạng mục điện chiếu sáng trên tuyến chính (đã bàn giao, đưa vào sử dụng)	354.103.000	354.103.000	-
12	Chi phí giám sát thi công giai đoạn 1 (B _n =21m đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng)	1.657.382.000	2.073.265.000	415.883.000
13	Chi phí giám sát thi công giai đoạn 2 (bao gồm cả 03 tuyến số 4, 15, 17 bổ sung)	3.741.248.000	3.468.674.000	-272.574.000
14	Chi phí giám sát hạng mục điện chiếu sáng trên tuyến số 4 (chưa triển khai)	411.938.000	439.228.000	27.290.000
V	Chi phí khác	10.886.623.000	9.105.733.000	-1.780.890.000

1	Phí thẩm định dự án đầu tư	47.000.000	47.000.000	-
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán hạng mục điện chiếu sáng trên tuyến chính	79.562.000	79.562.000	-
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán hạng mục điện chiếu sáng tuyến số 4	48.919.000	48.848.000	-71.000
4	Thẩm định thiết kế BVTC và dự toán 03 tuyến bổ sung số 4, số 15, số 17	227.762.000	227.255.000	-507.000
5	Thẩm định HSMT và KQLC nhà thầu 03 tuyến bổ sung và điện chiếu sáng trên tuyến số 4	120.816.000	-	-120.816.000
6	Chi phí rà phá bom mìn nền đường giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (phần tuyến chính)	2.598.836.000	2.598.836.000	-
7	Chi phí rà phá bom mìn 03 tuyến bổ sung	2.500.000.000	1.958.461.000	-541.539.000
8	Bảo hiểm công trình giai đoạn 1 (tuyến chính)	1.040.295.000	988.000.000	-52.295.000
9	Bảo hiểm công trình giai đoạn 2 (tuyến chính)	327.884.000	310.986.000	-16.898.000
10	Bảo hiểm công trình 03 tuyến bổ sung	1.011.787.000	1.011.231.000	-556.000
11	Bảo hiểm công trình hạng mục điện chiếu sáng	-	108.039.000	108.039.000
11	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	744.934.000	447.874.000	-297.060.000
12	Chi phí kiểm toán	2.138.828.000	1.279.641.000	-859.187.000
VI	Chi phí dự phòng	29.772.570.000	19.209.129.000	-10.563.441.000
Tổng mức đầu tư		914.029.000.000	914.029.000.000	-